

Số: **2955**/QĐ-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày **02** tháng 12 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chiến lược phát triển ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 – 2015;

Căn cứ Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/09/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông”;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chiến lược phát triển ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Quan điểm**

a) Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) là một việc cần thiết phục vụ cho mục đích trước mắt và lâu dài của quá trình phát triển ngành;

b) Phát triển công nghệ thông tin trong điều kiện một nền nông nghiệp tăng trưởng chưa bền vững và nông thôn còn nghèo nàn, lạc hậu; thiên tai và những yếu tố rủi ro đang đe dọa hàng ngày, hàng giờ nền sản xuất. Do vậy phải có chiến lược phát triển đúng đắn, bước đi vững chắc để bảo đảm phát triển bền vững;

c) Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, thực hiện chính phủ điện tử phải gắn với tiến trình cải cách hành chính của Bộ và từng đơn vị.

## **2. Định hướng phát triển**

### **a) Phát triển hạ tầng kỹ thuật CNTT;**

- Nâng cấp, quy hoạch mở rộng hạ tầng mạng LAN của Bộ và kết nối diện rộng với mạng LAN của các đơn vị trực thuộc Bộ. Đảm bảo điều kiện an toàn, an ninh cho mạng của Bộ với hệ thống máy chủ đủ mạnh để quản trị các cơ sở dữ liệu dùng chung, sao lưu dữ liệu, đồng bộ hóa dữ liệu và thực hiện các ứng dụng trên mạng.

- Nâng cao chất lượng quản trị mạng của Bộ NN&PTNT. Thực hiện sao lưu dữ liệu, bảo mật an toàn thông tin. Phối hợp với các đơn vị, với Trung tâm an ninh mạng Quốc gia, Trung tâm lưu trữ dữ liệu dự phòng Quốc gia trong việc phòng chống tin tặc và thảm họa CNTT.

- Tăng cường trang thiết bị tin học, thiết bị mạng, từng bước bản quyền hóa các sản phẩm phần mềm hệ thống máy chủ, máy trạm cho các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ.

### **b) Ứng dụng CNTT trong các cơ quan thuộc Bộ;**

- Thực hiện các chế độ báo cáo, trao đổi thông tin qua mạng nhằm giảm thiểu sử dụng giấy tờ. Tăng cường sử dụng chữ ký số trong các văn bản tài liệu lưu chuyển qua mạng.

- Nâng cấp cơ sở dữ liệu quản lý thủ tục hành chính tại Bộ. Chuẩn hoá các mẫu biểu điện tử và đưa lên mạng, thực hiện cơ chế công khai, minh bạch hoá thông tin.

- Đẩy mạnh việc áp dụng văn phòng điện tử tại các đơn vị nhằm đáp ứng tốt cho công tác quản lý, điều hành của đơn vị như quản lý văn bản, quản lý chương trình công tác, lập lịch công tác, theo dõi, giám sát, tổng hợp việc thực hiện các nhiệm vụ.

- Tăng cường, mở rộng mô hình họp, giao ban trực tuyến theo quy chế họp trực tuyến của Bộ đã ban hành.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý cán bộ, quản lý tài chính, quản lý công tác pháp chế, khoa học công nghệ và môi trường,...

- Phát triển Cổng thông tin điện tử của Bộ và các trang Web của các đơn vị trực thuộc Bộ theo hướng hiện đại, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tích hợp được các dịch vụ công và các ứng dụng tác nghiệp chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Nâng cấp, xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn phục vụ được nhiều đối tượng. Các cơ sở dữ liệu này đòi hỏi phải áp dụng các công nghệ tiên tiến chạy trên môi trường mạng.

- Hoàn thiện và phát triển các hệ thống CNTT phục vụ nhiều người như thư viện điện tử, hệ thống thống kê ngành, hệ thống quản lý khoa học công nghệ,...

c) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp;

- Tăng cường khả năng đáp ứng của Cổng thông tin điện tử của Bộ, đảm bảo người công dân thông qua Cổng thông tin điện tử có thể kết nối, liên hệ đến cơ quan chuyên trách để tra cứu, gửi yêu cầu, kiến nghị các vấn đề liên quan.

- Tổ chức thường xuyên các diễn đàn giao lưu trực tuyến với người dân thông qua Cổng thông tin điện tử.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong việc triển khai các thủ tục hành chính, dịch vụ công ở mức độ 3 và 4.

- Nâng cấp, xây dựng CSDL và hệ thống thông tin hỏi đáp trả lời người dân trên Cổng thông tin của Bộ.

d) Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT;

- Đào tạo nâng cao cho cán bộ chuyên trách CNTT thông qua các khóa đào tạo chuyên nghiệp do Chính phủ và cơ sở đào tạo CNTT chuyên nghiệp tổ chức.

- Đào tạo phổ cập ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức của Bộ theo hướng xây dựng nội dung đào tạo theo các tiêu chuẩn quốc tế, tổ chức các lớp đào tạo sử dụng CNTT trong công tác hành chính và nghiệp vụ đối với các cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Bộ.

- Có kế hoạch đào tạo nâng cao khả năng tiếp cận và ứng dụng CNTT trong các đơn vị, đào tạo chuyên sâu vào từng lĩnh vực ứng dụng cụ thể.

- Có chính sách đãi ngộ để thu hút nhân lực về CNTT, tuyển chọn người giỏi về làm việc tại những đơn vị có nhu cầu ứng dụng CNTT nhiều.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan chức năng khác trong công tác đào tạo nguồn nhân lực bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

### **3. Mục tiêu**

a) Mục tiêu chung;

Hướng tới thực hiện Chính phủ điện tử trong công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2015;

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật

+ Nâng cao và duy trì tốt hệ thống đường truyền Internet tốc độ cao cho mạng WAN của Bộ đảm bảo truy cập Internet nhanh, đáp ứng được các yêu cầu

của hệ thống khi chạy các ứng dụng trên mạng, sử dụng email, tra cứu thông tin và khai thác các cơ sở dữ liệu dùng chung.

+ Sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước (CPNET) trong việc phát triển mạng WAN của Bộ kết nối giữa các đơn vị trực thuộc Bộ và các Sở NN&PTNT.

+ Bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật cho 100% các cuộc họp của Bộ trưởng với các đơn vị trực thuộc Bộ và các Sở NN&PTNT có thể được thực hiện trên môi trường mạng.

+ Xây dựng, triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong giao dịch điện tử của các cơ quan thuộc Bộ NN&PTNT.

- Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao năng lực điều hành, quản lý trong các cơ quan thuộc Bộ NN&PTNT

+ Phấn đấu 75% các văn bản, tài liệu chính thức lưu chuyển giữa các cơ quan thuộc Bộ được trao đổi trên mạng dưới dạng điện tử, trong đó 30% văn bản, tài liệu được lưu chuyển trên mạng sử dụng chữ ký số, chứng thực số.

+ 100% cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng và trao đổi công việc qua hệ thống thư điện tử @mard.gov.vn. 100% cán bộ công chức thực hiện việc khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ cho công việc chuyên môn.

- Xây dựng, nâng cấp các hệ thống ứng dụng phát triển CNTT chuyên ngành nhằm nâng cao việc tổng hợp, tra cứu thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của Bộ.

Đảm bảo mỗi một lĩnh vực, ngành có ít nhất 2 đến 3 hệ thống ứng dụng trên phạm vi toàn quốc chạy trên môi trường mạng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp:

+ 100% các thủ tục hành chính được công khai hóa trên Cổng thông tin điện tử, 100% các kiến nghị của công dân về thủ tục hành chính được giải quyết.

+ 100% các Tổng cục, Cục chuyên ngành có trang web được tích hợp hoặc liên kết trên Cổng thông tin điện tử của Bộ NN&PTNT với đầy đủ thông tin thuộc đơn vị mình quản lý. Ứng dụng CNTT vào quản lý hành chính một cửa, hỗ trợ liên thông ngay tại cơ quan Bộ.

+ Cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 2.

+ Cung cấp 20 dịch vụ công mức độ 3 cho người dân và doanh nghiệp và ít nhất 04 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được quy định tại phụ lục 1.

+ 100% kế hoạch đấu thầu, thông báo mời thầu, kết quả đấu thầu của các đơn vị trực thuộc Bộ được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị trực thuộc hoặc mạng đấu thầu quốc gia; trong đó có khoảng 20% số gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp và dịch vụ tư vấn sử dụng vốn nhà nước được thực hiện qua mạng.

- Phát triển nguồn nhân lực

+ Tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng đòi hỏi đang ngày một tăng về số lượng và chất lượng cho phát triển ứng dụng CNTT trong ngành NN&PTNT.

+ Thường xuyên đào tạo sử dụng phần mềm tin học trong hoạt động nghiệp vụ cho cán bộ công chức thuộc Bộ. Đảm bảo 100% số cán bộ sử dụng phần mềm trong hoạt động nghiệp vụ đều được đào tạo.

+ Phân đầu tỷ lệ trung bình cán bộ chuyên trách về CNTT trong Bộ NN&PTNT đạt 5-7% (hiện tại đạt 2,9%, mức trung bình các bộ là 3,7%), trong đó có 3-4 cán bộ có trình độ tiến sỹ, 8-10 cán bộ có trình độ thạc sỹ chuyên về CNTT.

c) Tầm nhìn đến năm 2020

- Hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đáp ứng nhu cầu thực tế, từng bước tích hợp các dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau;

- Tích hợp các hệ thống thông tin, tạo lập được môi trường mạng rộng khắp phục vụ đa số các hoạt động của các cơ quan nhà nước thuộc Bộ NN&PTNT và các sở NN&PTNT. Cán bộ, công chức thuộc Bộ NN&PTNT có thể làm việc mọi lúc, mọi nơi dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

#### **4. Lộ trình triển khai chiến lược**

a) Giai đoạn 1 (2011-2012);

- Hoàn thiện các dự án về CNTT đang thực hiện.

- Triển khai các dự án trọng điểm phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành và tin học hóa phục vụ cải cách hành chính.

- Tăng cường năng lực CNTT cho các đơn vị trực thuộc Bộ NN&PTNT.

- Tăng cường công tác đào tạo CNTT, tuyển dụng cán bộ có chuyên môn về CNTT.

- Nâng cấp hệ thống mạng LAN và WAN của Bộ.

- Thực hiện bản quyền các phần mềm hệ thống, phần mềm nền tảng.

- Đẩy mạnh an toàn, an ninh thông tin trên mạng WAN của Bộ.

b) Giai đoạn 2 (2013-2015);

- Mở rộng và xây dựng các nội dung, ứng dụng trên hệ thống mạng WAN của Bộ.

- Chuẩn hóa và thống nhất các phần mềm, ứng dụng cho từng lĩnh vực của Bộ.

- Hoàn thiện các CSDL lớn dùng chung phục vụ các chuyên ngành của Bộ, quy chuẩn và chia sẻ dữ liệu, thông tin trên hệ thống mạng của Bộ.

- Tiếp tục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về CNTT.

c) Giai đoạn 3 (2016-2020)

- Xây dựng kho dữ liệu tích hợp dùng chung.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý tri thức.

- Hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4.

- Tích hợp các hệ thống thông tin chuyên ngành của các Tổng cục, các Cục.

### **5. Các dự án, nhiệm vụ ưu tiên**

a) Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT của Bộ NN&PTNT ;

b) Xây dựng các CSDL và ứng dụng CNTT phục vụ công tác chỉ đạo điều hành tại các cơ quan Bộ NN&PTNT;

c) Xây dựng các ứng dụng CNTT phục vụ người dân, doanh nghiệp;

d) Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực đào tạo;

đ) Duy trì hoạt động thường xuyên và nghiên cứu phát triển ứng dụng CNTT trong cơ quan Bộ.

Chi tiết nội dung các dự án, nhiệm vụ thuộc Chiến lược phát triển ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ NN&PTNT giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 được quy định tại phụ lục 2.

### **6. Các giải pháp thực hiện**

a) Giải pháp về tổ chức;

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo công nghệ thông tin của Bộ; tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin của Bộ.

- Xây dựng Trung tâm Tin học và Thống kê đủ mạnh để thực hiện nhiệm vụ cơ quan CIO của Bộ, quản lý các cơ sở dữ liệu dùng chung được tích hợp dữ liệu lên cổng thông tin điện tử của Bộ và hỗ trợ các hoạt động công nghệ thông tin trong cơ quan Bộ.

- Khuyến khích các cơ sở, địa phương tuyển dụng cán bộ công nghệ thông tin chuyên nghiệp để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin ở cơ sở.

b) Giải pháp về khoa học công nghệ;

- Xây dựng các tiêu chuẩn về thông tin, công nghệ thông tin và thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ “điện toán đám mây” trong quá trình triển khai các dự án về công nghệ thông tin của các đơn vị thuộc Bộ.

- Tranh thủ sự hỗ trợ tối đa của các cơ quan chuyên môn về công nghệ thông tin, tập trung giải quyết các vấn đề của chuyên ngành. Những phần mềm chuyên ngành sử dụng chung trên mạng phải được hướng dẫn kỹ thuật thống nhất.

- Phát triển xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của Bộ, các đơn vị.

- Khuyến khích các đơn vị có kế hoạch tăng cường năng lực công nghệ thông tin (mua sắm trang thiết bị, phần mềm, đào tạo cán bộ).

c) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;

- Xây dựng chương trình đào tạo về công nghệ thông tin dài hạn, ngắn hạn để phục vụ mục tiêu chiến lược cho mọi đối tượng cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức đào tạo cán bộ đầu đàn có kỹ năng cao về công nghệ thông tin và các kỹ sư chuyên công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn ngành.

- Tranh thủ mọi nguồn lực cho đào tạo; đào tạo cán bộ, công chức phải liên tục, nhiều vòng để theo kịp với những tiến bộ khoa học công nghệ mới.

d) Giải pháp về cơ chế, chính sách;

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghệ thông tin; chính sách bảo đảm đầu tư ổn định và liên tục cho công nghệ thông tin phát triển vững chắc.

- Xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa Ban chỉ đạo cải cách hành chính và Ban chỉ đạo công nghệ thông tin của Bộ để có sự chỉ đạo đồng bộ, thống nhất và có hiệu quả.

- Ban hành cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, giữa Bộ với các Sở NN&PTNT trong việc hợp tác phát triển hạ tầng CNTT, trao đổi dữ liệu liên quan đến ngành, tránh tình trạng cát cứ thông tin.

đ) Giải pháp về đầu tư;

- Tranh thủ mọi nguồn vốn: ngân sách, ODA, vay các tổ chức nước ngoài (theo kế hoạch của Chính phủ); có cơ chế và chính sách để huy động các nguồn tài trợ nước ngoài cho việc phát triển công nghệ thông tin trong toàn ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Đảm bảo tỷ lệ đầu tư cho phát triển công nghệ thông tin trong Bộ đạt 1-2% tổng số vốn xây dựng cơ bản do Bộ NN&PTNT quản lý.

- Khuyến khích và có quy chế để huy động các doanh nghiệp công nghệ thông tin phi chính phủ cung cấp dịch vụ về hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin, các dịch vụ giao dịch thông tin cho hệ thống chính phủ điện tử.

e) Hợp tác quốc tế;

Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển công nghệ thông tin cho Bộ trên cả 3 lĩnh vực: đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

## 7. Tổ chức thực hiện

a) Căn cứ vào Chiến lược này, các đơn vị trực thuộc Bộ NN&PTNT có trách nhiệm xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị mình; kiểm tra, đánh giá và báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất theo hướng dẫn và yêu cầu của Vụ Khoa học Công nghệ, Môi trường để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ NN&PTNT;

b) Khi xây dựng các nhiệm vụ, dự án, đề án, chương trình phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin các đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ, Môi trường, Vụ Kế hoạch và các đơn vị liên quan xây dựng, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Vụ Tài chính và Vụ Kế hoạch có trách nhiệm tổng hợp, cân đối kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển để thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án, chương trình ứng dụng công nghệ thông tin theo định hướng phát triển của Chiến lược này;

d) Trung tâm Tin học và Thống kê định kỳ hàng năm đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phối hợp, hỗ trợ các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ chuyên môn gắn với Chiến lược này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Tin học và Thống kê, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Ban Chỉ đạo CNTT Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### *Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

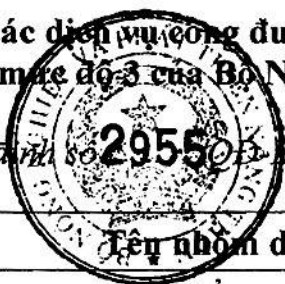




**Phụ lục 1:**

**Danh mục nhóm các dịch vụ công được ưu tiên cung cấp trực tuyến  
tối thiểu mức độ 3 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2955/QĐ-BNN-KHCN** ngày **02** tháng 12 năm 2011)



TT	Tên nhóm dịch vụ
1	Cấp giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu
2	Cấp chứng chỉ, thẻ hành nghề khử trùng xông hơi
3	Thông qua nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật
4	Thay đổi nhà sản xuất đã ủy quyền đăng ký thuốc bảo vệ thực vật Thay đổi đơn vị đăng ký thuốc bảo vệ thực vật
5	Thay đổi tên thương mại thuốc bảo vệ thực vật
6	Ký hợp đồng khảo nghiệm
7	Cấp giấy đăng ký Kiểm tra nhà nước chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu
8	Yêu cầu thử nghiệm và ký hợp đồng kiểm định chất lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật
9	Đăng ký nhập khẩu giống cây trồng, phân bón
10	Đăng ký khảo nghiệm, sản xuất phân bón
11	Cấp phép nhập khẩu thuốc thú y, Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, CITES
12	Cấp, gia hạn giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản
13	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
14	Kiểm tra và chứng nhận nhà nước về chất lượng hàng hóa thủy sản nhập khẩu thức ăn, chất bổ sung thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản
15	Đăng ký kiểm tra và công nhận điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản
16	Đăng ký kiểm tra chứng nhận chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm sản phẩm thủy sản
17	Đăng ký đánh giá và chỉ định Phòng kiểm nghiệm nông lâm thủy sản
18	Đăng ký kiểm tra chứng nhận chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm đối với sản phẩm nông lâm sản và muối
19	Điều chỉnh các dự án khuyến nông, khuyến ngư ở Trung ương
20	Đăng ký danh mục các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư hàng năm

*Handwritten signature*

**Phụ lục 2: Các Dự án/nhiệm vụ ứng dụng CNTT ưu tiên thực hiện giai đoạn 2011-2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2955/QĐ-BNN-KHCN** ngày **02** tháng 12 năm 2011)

TT	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Đơn vị tham gia thực hiện
<b>1) Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT của Bộ NN&amp;PTNT</b>					
1	Dự án Nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ NN&PTNT	Nâng cấp hạ tầng mạng CNTT của Bộ NN&PTN theo xu hướng phù hợp với phát triển CNTT nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của Bộ và tiến tới xây dựng Bộ điện tử	17.879	2009-2012	Trung tâm TH&TK
2	Nâng cấp hạ tầng mạng, tăng cường trang thiết bị CNTT, phần mềm bản quyền cho các đơn vị trực thuộc Bộ	Nâng cấp hạ tầng mạng cho một số đơn vị thuộc Bộ. Trang thiết bị máy tính, thiết bị CNTT, phần mềm bản quyền cho các đơn vị thuộc Bộ. Thành lập mạng WAN kết nối các đơn vị trong Bộ	25.000	2011-2015	Các đơn vị thuộc Bộ
<b>2) Xây dựng các CSDL và ứng dụng CNTT phục vụ công tác chỉ đạo điều hành tại các cơ quan Bộ NN&amp;PTNT</b>					
3	Ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin ngành Lâm nghiệp đến năm 2010	Xây dựng cơ chế trao đổi thông tin giữa Trung ương và địa phương, cơ quan quản lý và người dân, Củng cố mạng lưới thông tin; nâng cao năng lực cán bộ ứng dụng CNTT tăng cường hiệu quả công việc	30.666	2008-2012	Tổng Cục Kiểm lâm
4	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý xây dựng cơ bản của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý xây dựng cơ bản của Bộ NN&PTNT	11.700	2009-2011	Cục Quản lý Xây dựng công trình

TT	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Đơn vị tham gia thực hiện
5	Ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nâng cao năng lực quản lý tài chính trong Bộ NN&PTNT	4.000	2008-2010	Vụ Tài chính
6	Xây dựng và triển khai ứng dụng chữ ký số và chứng thực chữ ký số trong công tác quản lý điều hành của Bộ	Xây dựng hệ thống CA và triển khai ứng dụng chữ ký số, chứng thực số tại các cơ quan quản lý nhà nước trong Bộ	3.900	2011-2012	Trung tâm TH&TK
7	Xây dựng hệ thống họp Video Conference tập chung cho các đơn vị trong Bộ trên môi trường mạng Internet	Xây dựng một hệ thống họp trực tuyến cho phép nhiều đơn vị sử dụng hệ thống này để tổ chức các cuộc. Tại một thời điểm có thể họp được nhiều cuộc họp khác nhau	3.000	2012-2015	Các đơn vị trong Bộ và Trung tâm TH&TK
8	Ứng dụng văn phòng điện tử phục vụ chỉ đạo, điều hành của khối cơ quan Bộ NN&PTNT	Xây dựng một hệ thống văn phòng điện tử dùng chung cho các đơn vị trực thuộc Bộ gồm các Cục, Vụ, Tổng cục, Văn phòng, trung tâm, Viện,... Xây dựng được kho dữ liệu lớn các văn bản tài liệu của Bộ và các đơn vị trực thuộc và là môi trường trao đổi thông tin giữa các đơn vị, tạo điều kiện cho việc quản lý chia sẻ tài liệu phù hợp với quá trình tiến tới Chính phủ điện tử	4.500	2011-2012	Văn phòng Bộ + Trung tâm TH&TK

*Thanh*

TT	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Đơn vị tham gia thực hiện
9	Xây dựng hệ thống CSDL quản lý tập chung các đề tài chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ của các đơn vị trong Bộ	Xây dựng hệ thống CSDL quản lý các đề tài, chương trình nghiên cứu KHCN tập chung cho các đơn vị nghiên cứu, được thực hiện trên môi trường Internet	3.000	2011-2013	Các đơn vị Nghiên cứu KHCN thuộc Bộ
10	Xây dựng bộ mã chuẩn, thống nhất ứng dụng trong CNTT cho các chỉ tiêu, tiêu chí trong các lĩnh vực ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Tập hợp, thu thập và xây dựng thống nhất hệ thống mã chuẩn được sử dụng trong lĩnh vực CNTT và trong các hệ thống quản lý khác của Bộ	3.500	2011-2015	Trung tâm TH&TK và các đơn vị thuộc Bộ
11	Xây dựng CSDL dùng chung phục vụ công tác dự báo Ngành NN&PTNT	Xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu, thông tin phục vụ cho công tác dự báo được dùng chung cho các đơn vị trực thuộc Bộ NN&PTNT	5.000	2012-2015	Trung tâm TH&TK và các đơn vị trong Bộ
12	Tích hợp các dữ liệu và thông tin KHCN lĩnh vực nghiên cứu Hải sản	Xây dựng một hệ thống Tích hợp các CSDL sinh học, nghề cá biển, thông tin .. của lĩnh vực hải sản	1.000	2011-2012	Viện Nghiên cứu Hải sản
13	Nâng cao năng lực quản lý phân tích tổng hợp dữ liệu cho ngành chăn nuôi Việt Nam	Xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống quản lý số liệu cho các cơ sở chăn nuôi lớn. Đào tạo tập huấn sử dụng hệ thống quản lý số liệu và các phần mềm thống kê cho đội ngũ cán bộ quản lý nông nghiệp cấp trung ương/các tỉnh. Xây dựng bộ đĩa CD hỗ trợ và phổ cập kỹ thuật chăn nuôi	2.500	2011-2012	Viện chăn nuôi quốc gia

*thanh*

TT	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Đơn vị tham gia thực hiện
14	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin cảnh báo nguy cơ về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và muối chuyên ngành	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về chất lượng nông lâm thủy sản phục vụ hoạt động quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm nông lâm thủy sản được xây dựng và áp dụng thống nhất trên cả nước	50.000	2011-2015	Cục Quản lý chất lượng NLTS và các Tổng cục, Cục, Sở NN&PTNT
15	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý các giống cây trồng	Xây dựng hệ thống CSDL quản lý các giống cây trồng mới phục vụ cho công tác quản lý, khuyến nông và nghiên cứu khoa học	3.500	2011-2012	Cục Trồng trọt, Trung tâm TH&TK, Trung tâm Khảo Kiểm nghiệm giống, Các viện NC
16	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin nghề cá	Hình thành CSDL tổng thể về nghề cá theo vùng, theo tỉnh, dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Tổng cục Thủy sản, Bộ NN & PTNT	8.000	2011-2013	Tổng cục Thủy sản
17	Xây dựng hệ thống thông tin mã vùng nuôi trồng thủy sản	Hệ thống cho phép thực hiện truy xuất và quản lý vùng nuôi	8.500	2008-2009	Tổng cục Thủy sản
18	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản	Quản lý tàu thuyền, dự báo ngư trường khai thác thủy sản và thông tin tránh trú bão cho tàu cá	25.400	2011-2015	Tổng cục Thủy sản
19	Xây dựng, nâng cấp hệ thống thư	Xây dựng thư viện điện tử và tăng cường hệ thống liên thư	5.950	2011-2015	Các Viện nghiên

TT	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Đơn vị tham gia thực hiện
	viện điện tử ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	viện: Xây dựng thư viện điện tử tại Bộ; Hình thành hệ thống liên thư viện; xây dựng kho tư liệu số; tăng cường năng lực cho cán bộ thư viện			cứu và Trung tâm TH&TK

### 3) Xây dựng các ứng dụng CNTT phục vụ người dân, doanh nghiệp

20	Dự án Internet cho cộng đồng - IFC (hợp phần Bộ NN&PTNT)	Dự án Internet cho cộng đồng được Bộ Thông tin truyền thông làm chủ đầu tư. Trong đó có 3 hợp phần, Bộ NN&PTNT tham gia một hợp phần Internet cho cộng đồng Bộ NN&PTNT	58.000	2011- 2015 (Tiếp tục giai đoạn trước)	Trung tâm TH&TK
21	Xây dựng và triển khai các dịch vụ công mức độ cao 3 và 4 phục vụ doanh nghiệp và người dân	Các vụ, văn phòng Bộ, tổng cục, cục, trung tâm chuyên Ngành xây dựng các dịch vụ công mức độ cao phục vụ cho Ngành NN&PTNT	3.500	2011- 2015	Các Tổng cục, Cục, Vụ, VP Bộ, Trung tâm
22	Chương trình cung cấp thông tin nông nghiệp trực tuyến và trên điện thoại di động	Phát triển và nâng cấp hệ thống CSDL thông tin thị trường, khuyến nông, tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp Phát triển website cung cấp thông tin và sử dụng dịch vụ di động cung cấp thông tin	3.000	2012- 2015	Trung tâm KNKN QG, Trung tâm TH&TK
23	Xây dựng cơ sở dữ liệu công nghệ cao trong nông nghiệp	Xây dựng CSDL quản lý các thông tin về đề tài, dự án KH-CN và các dự án liên quan đến phát triển công nghệ cao trong nông nghiệp	8.000	2011- 2015	Trung tâm TH&TK

### 4) Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực đào tạo

*Thanh*

TT	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Đơn vị tham gia thực hiện
24	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực CNTT	Đào tạo cho các cán bộ quản trị, phát triển hệ thống mạng máy tính Đào tạo nâng cao khả năng sử dụng máy tính và sử dụng các ứng dụng chuyên ngành khác	2.000	2011-2015	Trung tâm TH&TK, Các đơn vị trong Bộ tham gia
<b>5) Nhiệm vụ thường xuyên: Duy trì hoạt động thường xuyên và nghiên cứu phát triển ứng dụng CNTT trong cơ quan Bộ</b>					
25	Duy trì hoạt động thường xuyên và nghiên cứu phát triển ứng dụng trên hệ thống mạng máy tính của Bộ	Duy trì hoạt động thường xuyên hệ thống mạng máy tính của Bộ. Nghiên cứu phát triển các ứng dụng CNTT trên hệ thống mạng của Bộ. Đẩy mạnh ứng dụng phần mềm mã nguồn mở trong Bộ	15.000	2011-2015	Trung tâm TH&TK, các đơn vị trong Bộ

*Thanh*